

Kinh nghiệm phát triển tài chính toàn diện cho Việt Nam

Lương Xuân Minh*, Nguyễn Thị Thu Trang**

Nhận ngày 6 tháng 7 năm 2021. Chấp nhận đăng ngày 24 tháng 12 năm 2021.

Tóm tắt: Khái niệm về tài chính toàn diện (Financial inclusion) đang ngày một phổ biến ở nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Tài chính toàn diện có vai trò quan trọng trong xóa đói giảm nghèo, phát triển và ổn định kinh tế. Bên cạnh đó, tài chính toàn diện còn giúp chính phủ giảm bớt chi phí cho các chương trình trợ cấp an sinh xã hội, thông qua việc chi trả qua tài khoản ngân hàng, có thể làm tăng sự minh bạch, phòng chống tham nhũng tích cực hơn, nhờ đó, quản lý xã hội tốt hơn. Một xã hội với nhiều cơ hội tiếp cận dịch vụ tài chính cho nhiều người sẽ tăng cường sự tham gia của người dân vào cuộc sống cộng đồng nói chung, từ đó, cải thiện công bằng và bình đẳng. Bài viết tìm hiểu những lý luận cơ bản về tài chính toàn diện và kinh nghiệm phát triển tài chính toàn diện ở một số quốc gia trên thế giới, trên cơ sở đó, đưa ra những khuyến nghị nhằm phát triển tài chính toàn diện cho Việt Nam.

Từ khoá: Tài chính toàn diện, phát triển tài chính toàn diện, kinh nghiệm tài chính toàn diện.

Phân loại ngành: Kinh tế học

Abstract: Financial inclusion has been increasingly popular in many countries in the world, including Vietnam. It plays an important role in hunger eradication and poverty alleviation, economic development and stability. In addition, financial inclusion also helps the government reduce the expenses of support programmes for social protection, with payments made via bank accounts, which can increase transparency and prevent corruption more actively, thereby, social management will be bettered. A society with plenty of opportunities to access financial services for many will increase people's participation in community life in general, and improve equity and equality. The paper explores the basic theories of financial inclusion and experiences in financial inclusion development in a number of countries, then, on that basis, provides recommendations for the financial inclusion development of Vietnam.

Keywords: Financial inclusion, financial inclusion development, experience on financial inclusion.

Subject classification: Economics

**Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh.
Email: trangka.buh@gmail.com

1. Đặt vấn đề

Theo Ngân hàng Thế giới (WB), tài chính toàn diện có nghĩa là các cá nhân và doanh nghiệp có thể tiếp cận và sử dụng các sản phẩm và dịch vụ tài chính - các giao dịch, thanh toán, tiết kiệm, tín dụng và bảo hiểm - đáp ứng nhu cầu của họ và có mức chi phí hợp lý, được cung cấp theo một cách thức có trách nhiệm và bền vững.

Liên minh Tài chính Toàn diện (AFI) định nghĩa về tài chính toàn diện rộng hơn và đa chiều hơn, nhấn mạnh đến cả khía cạnh chất lượng sử dụng dịch vụ. Theo đó, tài chính toàn diện là việc cung cấp cho người sử dụng các dịch vụ tài chính sẵn có với mức chi phí hợp lý; làm cho khách hàng sử dụng các dịch vụ tài chính một cách thường xuyên; đưa ra những dịch vụ tài chính được thiết kế phù hợp với nhu cầu của người sử dụng.

Theo IMF (2015), tài chính toàn diện cần được nhìn nhận theo nhiều góc độ:

Thứ nhất, có thể định nghĩa tài chính toàn diện là việc tiếp cận và sử dụng các dịch vụ tài chính chính thức. Theo cách tiếp cận về dịch vụ tài chính thì nên theo hướng các dịch vụ có thể đáp ứng nhiều mục đích sử dụng: tài khoản để nhận thu nhập hoặc chuyển khoản, tài khoản tiết kiệm để lưu trữ tiền an toàn, tín dụng cho vay cá nhân hoặc doanh nghiệp và các sản phẩm bảo hiểm trong những trường hợp khó khăn xảy ra.

Thứ hai, theo góc độ là nhà cung cấp dịch vụ tài chính: tài chính toàn diện đề cập đến số lượng và sự đa dạng của các dịch vụ và sản phẩm tài chính được cung cấp (có thể sử dụng chỉ số bao trùm để đánh giá). Theo góc độ là người sử dụng: đề cập đến số lượng các doanh nghiệp, nhà đầu tư có được khoản tín dụng từ ngân hàng, tỷ lệ người dân sử dụng tài khoản ở các tổ chức tài chính theo giới tính và theo nhóm thu nhập, tỷ lệ người dân sử dụng tài khoản để nhận và chuyển tiền hoặc vay tiền và mức độ sử dụng các sản phẩm bảo hiểm như thế nào.

Có nhiều khái niệm về tài chính toàn diện. Tuy vậy, tài chính toàn diện hiểu khái quát nhất là việc cung cấp dịch vụ tài chính phù hợp và thuận tiện cho mọi thành viên trong xã hội, đặc biệt là đối với nhóm người dễ bị tổn thương nhằm tăng cường khả năng tiếp cận và sử dụng dịch vụ tài chính, góp phần tạo cơ hội sinh kế, luân chuyển dòng vốn đầu tư và tiết kiệm trong xã hội, qua đó thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Vai trò của tài chính toàn diện: tài chính toàn diện được coi là có vị trí rất quan trọng đối với sự phát triển bền vững của một quốc gia. Khía cạnh quan trọng nhất của tài chính toàn diện là tiếp cận tài chính. Các nghiên cứu đều chỉ ra rằng, tiếp cận tài chính có ý nghĩa vô cùng lớn trong xóa đói giảm nghèo, phân phối thịnh vượng công bằng, hỗ trợ phát triển toàn diện và bền vững. Thiếu tiếp cận tài chính là nguyên nhân cơ bản dẫn đến bất bình đẳng thu nhập, bẫy nghèo đói và hạ thấp tăng trưởng.

Tài chính toàn diện mang lại những lợi ích không nhỏ cho xã hội và nền kinh tế. Tài chính toàn diện có thể tạo ra những tác động tích cực như: gia tăng tiết kiệm và đầu tư, qua đó, thúc đẩy quá trình tăng trưởng kinh tế. Tiếp cận dịch vụ ngân hàng giúp các cá nhân và doanh nghiệp tìm được nguồn lực để đáp ứng những nhu cầu như: vay vốn cho các cơ hội kinh doanh, đầu tư cho con cái học hành, hoặc dành tiền tiết kiệm khi về hưu... Vay vốn

ngân hàng còn giúp người nông dân, người nghèo bảo vệ mình trước những cú sốc hay rủi ro trong cuộc sống như ốm đau, bệnh tật, mất mùa, thiên tai. Người nghèo sẽ tránh được vòng luẩn quẩn khi phải đi vay ở khu vực không chính thức với lãi suất cao, khiến cho gánh nặng trả nợ càng cao để rồi nghèo sẽ càng nghèo hơn, thậm chí bị bần cùng hóa. Những người không có tài khoản ngân hàng cũng dễ bị loại trừ khỏi các dịch vụ khác như y tế, bảo hiểm.

Tài chính toàn diện còn giúp chính phủ giảm bớt chi phí cho các chương trình trợ cấp an sinh xã hội thông qua việc chi trả qua tài khoản ngân hàng, làm tăng sự minh bạch, phòng chống tham nhũng tích cực hơn, nhờ đó quản lý xã hội tốt hơn. Một xã hội với cơ hội tiếp cận dịch vụ tài chính mở rộng cho tất cả mọi người sẽ tăng cường sự tham gia của họ vào cuộc sống cộng đồng nói chung, cải thiện công bằng và bình đẳng, năng lực của toàn xã hội theo đó cũng được nâng lên. Đối với các tổ chức tài chính, tài chính toàn diện đồng nghĩa với việc mở rộng đối tượng phục vụ tới tất cả nhóm người trong xã hội, tạo cơ hội cho họ phát triển đa dạng sản phẩm dịch vụ, mở rộng cơ sở khách hàng và theo đó là lợi nhuận tăng lên.

Các thước đo tài chính toàn diện: tài chính toàn diện được đo lường dựa trên 03 khía cạnh: (i) mức độ bao phủ của các tổ chức tín dụng, (ii) mức độ sử dụng các sản phẩm và dịch vụ tài chính, và (iii) chất lượng sản phẩm dịch vụ tài chính (Gortsos, 2016).

Những chỉ số thể hiện mức độ bao phủ của các tổ chức tín dụng (xét về phương diện nhân khẩu học và địa lý) bao gồm: số lượng chi nhánh/phòng giao dịch trên một kilomet vuông (1.000 m²) hay trên 1.000 dân, số lượng máy ATM trên một kilomet vuông hay trên 1000 dân.

Trong khi đó, mức độ sử dụng là các chỉ số liên quan tới tần suất sử dụng sản phẩm và dịch vụ tài chính như: phần trăm số lượng tài khoản tiền gửi và ghi nợ trên tổng dân số, số lượng giao dịch trên mỗi tài khoản tiền gửi, số lượng giao dịch điện tử.

Và cuối cùng là những chỉ tiêu thể hiện chất lượng của sản phẩm/dịch vụ, và mức độ hiểu biết về tài chính của người sử dụng.

Tuy nhiên, trong thực tế việc sử dụng các chỉ tiêu này để đo lường mức độ tiếp cận tài chính có thể dẫn đến những đánh giá thiếu chính xác và không toàn diện, bởi vì một cá nhân hay doanh nghiệp có thể có nhiều tài khoản, hoặc có những cá nhân không có tài khoản nhưng có thể sử dụng các dịch vụ tài chính dựa trên tài khoản của một người khác. Tương tự như vậy, việc sử dụng các chỉ tiêu về chi nhánh ngân hàng và máy ATM cũng chỉ mang tính tương đối trong việc đánh giá khả năng tiếp cận tài chính của người dân. Hiện tại, các tổ chức quốc tế, các quốc gia triển khai chương trình tài chính toàn diện đã thống nhất sử dụng 24 tiêu chí đánh giá tài chính toàn diện do G20 đưa ra tại Hội nghị Thượng đỉnh Saint Peterburg năm 2012 dựa trên 3 khía cạnh nói trên. Bên cạnh đó, bắt đầu từ năm 2011, Ngân hàng Thế giới và Quỹ Tiền tệ Quốc tế cũng xây dựng một cơ sở dữ liệu đồ sộ về tài chính toàn diện của các quốc gia trên thế giới (Global Findex Database) và được điều tra, đánh giá định kỳ 3 năm một lần nhằm giúp các nhà hoạch định chính sách, nhà quản lý và nghiên cứu tham khảo sử dụng.

2. Kinh nghiệm phát triển tài chính toàn diện của một số quốc gia

2.1. Kinh nghiệm phát triển tài chính toàn diện ở Ấn Độ

Theo một dự án thí điểm tại UT of Pondicherry của C.Chakraborty, Chủ tịch Ngân hàng Trung ương Ấn Độ, tài chính toàn diện được triển khai lần đầu tiên vào năm 2005. Địa điểm triển khai là ngôi làng Mangalam, tại đây các hộ gia đình được cung cấp các tiện ích ngân hàng. Tháng 11/2005, các ngân hàng được khuyến cáo lập tài khoản ngân hàng “no-frill” cơ bản với số dư tối thiểu thấp hoặc bằng 0 cũng như phí mở rộng tiếp cận các tài khoản này đến phần lớn dân số. Ngân hàng Trung ương Ấn Độ cũng yêu cầu các ngân hàng phải cung cấp tất cả các tài liệu hướng dẫn sử dụng cho các khách hàng cá nhân bằng ngôn ngữ của từng khu vực ở Ấn Độ, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho tất cả các khách hàng khi đến giao dịch với ngân hàng. Sau đó vào tháng 1/2006, Ngân hàng Trung ương Ấn Độ đã yêu cầu các ngân hàng thương mại ở các vùng khác nhau bắt đầu một chiến dịch bao gồm 100% tài chính toàn diện trên cơ sở thí điểm. Ấn Độ đã sớm xem tài chính vi mô là một công cụ hữu ích trong việc thúc đẩy phát triển tài chính toàn diện nhằm mục đích xoá đói giảm nghèo. Cùng với đó, ban hành nhiều chính sách để cải cách hệ thống thanh toán, từng bước tăng cường sự tiện ích và bảo mật nhằm thu hút người dân sử dụng các dịch vụ ngân hàng, hạn chế trao đổi tiền mặt và thúc đẩy thanh toán điện tử. Thành lập các quỹ phục vụ phát triển tài chính toàn diện, các trung tâm tư vấn năng lực tài chính và tư vấn tín dụng. Theo thông tin từ trung tâm tài chính toàn diện, năm 2007-2008, Ấn Độ thành lập hai quỹ phục vụ phát triển tài chính toàn diện: quỹ thứ nhất gọi là quỹ tài chính toàn diện nhằm hỗ trợ phát triển và thúc đẩy tài chính toàn diện, quỹ còn lại là Quỹ Công nghệ Tài chính toàn diện để đáp ứng chi phí ứng dụng công nghệ có kinh phí lên tới 125 triệu USD. Cấp hồ sơ nhận dạng cá nhân để có thể chính thức mở tài khoản, liên kết các tiểu bang và đơn vị chức năng trong toàn bộ quy trình, đáp ứng chi phí thẻ. Phổ cập kiến thức tài chính cho người dân, đặc biệt là cho các đối tượng yếu thế. Cung cấp các sản phẩm tài chính phù hợp với đối tượng thu nhập thấp (Ashwini Sahu, Credit Suisse, 2011).

Ngoài ra, Ấn Độ đã xây dựng hệ thống nhận dạng quốc gia dựa trên sinh trắc học, trực tuyến, có thể kiểm chứng bằng kỹ thuật số. Vào thời điểm chương trình phát triển tài chính toàn diện ra mắt, khoảng 700 triệu người Ấn Độ đã nhận dạng sinh trắc học quốc gia tên là Aadhaar (năm 2016). Những người có số Aadhaar có thể mở tài khoản chương trình phát triển tài chính toàn diện một cách nhanh chóng. Theo kết quả của chiến dịch tiểu bang hoặc bang U.T như Pondicherry, Himachal Pradesh và Kerala đã công bố 100% tài chính toàn diện trong tất cả các khu vực. Dự kiến của Ngân hàng Trung ương Ấn Độ năm 2020 là mở gần 600 triệu tài khoản khách hàng mới và phục vụ họ thông qua nhiều kênh bằng cách tận dụng công nghệ thông tin (Văn Nam, 2019). Một ví dụ điển hình khác là Ngân hàng Dự trữ Ấn Độ (RBI) trong tháng 1/2020 đã tuyên bố cho định danh khách hàng qua cuộc gọi video (Claus Christensen, 2020).

2.2. Kinh nghiệm phát triển tài chính toàn diện ở Malaysia

Malaysia là một quốc gia có các điều kiện được đánh giá là khá tương đồng với Việt Nam, nhưng trong các nước có thu nhập trung bình thì quốc gia này được đánh giá là có trình độ tài chính toàn diện vào hạng cao nhất trên thế giới. Quá trình 10 năm phát triển tài chính toàn diện của Malaysia từ 2001-2010 đã đạt được những kết quả lớn về tài chính toàn diện: tỷ lệ bao phủ tính theo số chi nhánh trên 100 nghìn dân trưởng thành đã tăng lên 14,6% tính đến thời điểm tháng 10/2010 so với 11,3% vào cuối năm 2000; tỷ lệ người có tài khoản tiền gửi đạt 2.895 MYR /1.000 dân trưởng thành thời điểm tháng 9/2010 so với 1.974 MYR /1.000 dân trưởng thành năm 2000. Tỷ lệ người có tài khoản tiền vay đạt 850 MYR /1.000 dân trưởng thành năm 2010 so với 310 MYR /1000 dân trưởng thành năm 2000. Và 52 máy ATM trên 100.000 dân trưởng thành (so với trung bình các nước thu nhập cao là 94 máy ATM trên 100.000 dân) (Văn Nam, 2019).

Thành công trong thúc đẩy tài chính toàn diện Malaysia về cơ bản chính là đường lối đặc thù trong phát triển ngành tài chính, như tăng cường các ngân hàng và tổ chức tài chính, phát triển các công cụ tài chính mới và các kênh phân phối để tiếp cận với người nghèo, điều chỉnh các quy định và hiện đại hóa cơ sở hạ tầng tài chính, đặc biệt là hệ thống thanh toán quốc gia. Năm 2010, Malaysia ban hành Chiến lược phát triển khu vực tài chính (2011-2020) với mục tiêu: tiếp cận thuận tiện, mức độ sử dụng cao và có trách nhiệm, mức độ hài lòng cao. Tài chính toàn diện đã trở thành ưu tiên quốc gia hàng đầu của Malaysia trong suốt một thời gian dài, thậm chí trước cả khi tài chính toàn diện trở thành mục tiêu toàn cầu của cả thế giới vào thời điểm cuối thập kỷ qua. Kinh nghiệm của Malaysia cho thấy không thể đốt cháy giai đoạn để mở rộng tài chính toàn diện.

2.3. Kinh nghiệm phát triển tài chính toàn diện ở Brazil

Từ năm 2002, tất cả các đô thị tại Brazil đều được sử dụng dịch vụ tài chính. Để làm nên thành công này, Brazil đã áp dụng mô hình đại lý ngân hàng. Cụ thể: hệ thống ngân hàng đại lý của Brazil giúp khách hàng tiếp cận một số dịch vụ ngân hàng, bao gồm mở tài khoản ngân hàng, nhận thẻ tín dụng và mua cổ phần của các quỹ tương hỗ thông qua các đại lý nhận và chuyển tiếp hồ sơ. Khách hàng có thể nộp hồ sơ vay vốn thông qua đại lý, yêu cầu đại lý nhận và chuyển khoản thanh toán. Những khoản thanh toán này có thể là trả nợ vay, nhận trợ cấp của Chính phủ, hóa đơn dịch vụ và thuế. Những rào cản về địa lý được tháo bỏ, và đổi mới về công nghệ được áp dụng một cách tích cực, các cửa hàng bán lẻ, đại lý xổ số và bưu điện đã liên kết với nhiều tổ chức tài chính chính thức để làm đại lý và sử dụng các thiết bị hoặc điện thoại di động hoạt động tức thời, để họ thực hiện giao dịch thay cho các tổ chức mà mình liên kết. Thể chế giám sát của Ngân hàng Trung ương Brazil (Central Bank of Brazil - CBB) cũng thay đổi, CBB không can thiệp vào mô hình kinh doanh trên những khía cạnh như công nghệ, thù lao hoặc dịch vụ độc quyền, cho phép tất cả các tổ chức tài chính thuộc sự quản lý và giám sát của CBB thuê đại lý tại bất kỳ nơi nào trong nước, đồng thời quy định rõ ràng về các dịch vụ mà đại lý có thể cung cấp,

đưa ra các hướng dẫn cần thiết về hợp đồng giữa tổ chức tài chính và đại lý, và yêu cầu báo cáo cho CBB. CBB có thể thanh tra các đại lý nếu thấy cần thiết. Để thuê đại lý mới, tổ chức tài chính chỉ cần đăng ký đại lý trên hệ thống trực tuyến của CBB và cập nhật hồ sơ.

Thành công của Brazil trong phát triển tài chính toàn diện không thể không nhắc đến sự phối hợp giữa các bên liên quan như: cơ quan quản lý hệ thống tài chính, các tổ chức tư nhân và các cơ quan chính phủ khác, họ đã chung tay thúc đẩy tài chính toàn diện với mục đích chung nhằm đáp ứng nhu cầu của người dân.

2.4. Kinh nghiệm phát triển tài chính toàn diện ở Tanzania

Quốc gia này có sự phát triển đáng kể về tài chính toàn diện trong những năm qua. Tanzania đã nhận thức được vai trò quan trọng của phát triển tài chính toàn diện, đồng thời tập trung chủ yếu vào các hoạt động như hoàn thiện thể chế, pháp luật tạo hành lang pháp lý cho hoạt động tài chính phát triển; xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng hiện đại phù hợp với nhu cầu của hoạt động tài chính; đồng thời tuyên truyền, giáo dục về lợi ích của tài chính toàn diện đến mọi đối tượng trong xã hội.

Việc mở rộng cơ hội cho mọi người tiếp cận và sử dụng các dịch vụ tài chính đã đạt 65% trong năm 2017 so với 57,7% trong năm 2013. Khả năng tiếp cận được đo bằng tỷ lệ dân số sống trong vòng 5 km từ nơi cung cấp dịch vụ tài chính, đã tăng từ 45% lên 86% trên toàn quốc và 78% cho những người sống ở nông thôn. Đáng chú ý là sự tăng trưởng trong (bỏ “trong”) ví điện thoại di động đang hoạt động đạt hơn 21 triệu (75% dân số trưởng thành) trong khi những người thường xuyên sử dụng dịch vụ tài chính di động đạt 16,6 triệu USD. Tới năm 2012, mức độ phổ cập tài chính của Tanzania vẫn thấp cho dù nhiều sáng kiến của cả khu vực công lẫn tư được đưa ra, chỉ có 17% người trưởng thành (khoảng 3,7 triệu người) tiếp cận được với tài khoản ngân hàng (Lê Phương Lan, Đinh Xuân Hà, 2017).

Tuy nhiên, sự gia tăng của công nghệ viễn thông với khoảng 30 triệu thuê bao đã cho phép gần 43% dân số trưởng thành (khoảng 9,8 triệu người) có tài khoản thanh toán di động hoạt động vào tháng 9 năm 2013. Cùng với đó là mức độ loại trừ tài chính đã giảm gần một nửa vào năm 2017 kể từ năm 2009. Mức độ sử dụng dịch vụ tài chính phi chính thức thu hẹp từ 29% xuống 7%, trong khi tỷ lệ phần trăm người lớn sử dụng các dịch vụ tài chính chính thức đã tăng gấp bốn lần trong cùng kỳ (Lê Phương Lan, Đinh Xuân Hà, 2017). Tanzania đã nhìn nhận tài chính toàn diện như một yếu tố động lực thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế và làm giảm nhẹ khả năng dễ tổn thương của cá nhân và hộ gia đình, giảm tình trạng nghèo đói và cải thiện chất lượng sống cho dân chúng ở Tanzania. Tuy nhiên, nước này không xây dựng Chiến lược về tài chính toàn diện mà thay vào đó, xây dựng khuôn khổ về tài chính toàn diện, xuất phát từ những đặc thù mang tính thể chế. Khuôn khổ tài chính toàn diện tại Tanzania được xây dựng và triển khai thực hiện theo các nguyên tắc hình thành trên lợi ích quốc gia, thông lệ và chuẩn mực quốc tế. Đặc biệt, các chuẩn mực quốc tế định hướng cho việc xây dựng khuôn khổ tài chính toàn diện bao gồm: các nguyên tắc của nhóm G20 về tài chính toàn diện, các đối tác phát triển như Liên minh Tài chính Toàn diện (AFI), Ngân hàng Thế giới và Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF). Khuôn khổ chú trọng

tháo gỡ những trở ngại đối với tài chính toàn diện thông qua việc triển khai thực hiện tại những lĩnh vực ưu tiên then chốt đối với các nhân tố động lực chính để tạo ra một cơ sở hạ tầng năng động cho phép thúc đẩy sự gia tăng và mở rộng các dịch vụ tài chính.

3. Thực trạng tài chính toàn diện ở Việt Nam

Trên thế giới hiện đã có 55 nước đưa ra cam kết và hơn 30 nước ban hành hoặc đang xây dựng chiến lược quốc gia về tài chính toàn diện, với mục tiêu bảo đảm tất cả các hộ gia đình được tiếp cận ở mức chi phí hợp lý các dịch vụ tiết kiệm, gửi tiền, thanh toán và chuyển tiền, tín dụng và bảo hiểm. Nhận thức sớm tầm quan trọng của tài chính toàn diện, Chính phủ phối hợp với các cơ quan ban ngành ban hành một số chính sách nhằm thúc đẩy các hoạt động tài chính toàn diện: chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn được triển khai từ năm 2010 theo Nghị định số 41/2010/NĐ-CP ngày 12/4/2010 và sau đó được thay thế bằng Nghị định 55/2015/NĐ-CP ngày 9/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ; ngày 6/12/2011, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án xây dựng và phát triển hệ thống tài chính vi mô tại Việt Nam đến năm 2020 theo Quyết định số 2195/QĐ-TTg; tháng 9/2016, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 1726/QĐ-TTg phê duyệt Đề án nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ ngân hàng cho nền kinh tế với mục tiêu đến năm 2020 nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ ngân hàng cơ bản cho người dân và doanh nghiệp; Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam được bắt đầu thực hiện từ 2006 và đến nay đang triển khai cho giai đoạn 2016 - 2020 theo Quyết định số 2545/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ; Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 23/2/2018 phê duyệt Đề án đẩy mạnh thanh toán qua ngân hàng đối với các dịch vụ công: thuế, điện, nước, học phí, viện phí và chi trả các chương trình an sinh xã hội; Năm 2018, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành dự thảo Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia của Ngân hàng Nhà nước đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 với lộ trình muộn nhất trong năm 2020 hoàn thành việc xây dựng Kế hoạch hành động của các bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức; xây dựng các chương trình, đề án, nhiệm vụ cụ thể để thực hiện các mục tiêu tài chính toàn diện của Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (PC, 2020). Theo dự thảo này, mục tiêu tổng quát là: “Mọi người dân và doanh nghiệp đều được tiếp cận và sử dụng thuận tiện các sản phẩm, dịch vụ tài chính phù hợp với nhu cầu, với chi phí hợp lý do các tổ chức cung cấp dịch vụ tài chính cung ứng một cách có trách nhiệm và bền vững”; kèm theo 4 mục tiêu cụ thể và 5 giải pháp: (i) phát triển đa dạng các kênh phân phối hỗ trợ cho việc tiếp cận những dịch vụ tài chính cơ bản một cách thuận tiện với chi phí hợp lý cho mọi người dân và doanh nghiệp; (ii) phát triển đa dạng các sản phẩm, dịch vụ tài chính cơ bản, hướng đến những đối tượng là người nghèo, người thu nhập thấp, dân cư nông thôn, vùng sâu vùng xa, vùng kinh tế khó khăn, doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ, hộ gia đình sản xuất kinh doanh; (iii) tăng cường năng lực các định chế tài chính đặc biệt có định hướng hoạt động phù hợp với mục tiêu của tài chính toàn diện; (iv) hoàn thiện cơ sở hạ tầng tài chính đáp ứng yêu cầu thúc đẩy tài chính toàn diện; (v) giáo dục

tài chính, nâng cao năng lực và kiến thức tài chính; bảo vệ người tiêu dùng tài chính. Thời gian gần đây, Ngân hàng Nhà nước đã chủ trương mở rộng các nguồn tín dụng ngân hàng cho vay tiêu dùng với lãi suất và thời hạn hợp lý. Theo đó, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Agribank) sẽ dành 5.000 tỷ đồng cho vay tiêu dùng; Ngân hàng Chính sách xã hội từ ngày 1/3/2019 đã nâng mức tối đa cho vay tín chấp đối với hộ nghèo từ 50 triệu đồng/hộ lên 100 triệu đồng/hộ và nâng thời hạn cho vay tối đa lên 120 tháng (Nhật Minh, 2019).

WB cũng đã đưa ra tầm nhìn cho Chương trình tăng cường cơ hội tiếp cận tài chính toàn cầu tới năm 2020, tập trung vào 25 quốc gia ưu tiên (trong đó có Việt Nam) nhằm tăng cường cơ hội tiếp cận dịch vụ tài chính chính thống cho cá nhân. Phát triển tài chính toàn diện cũng là một trong ba trụ cột của Tầm nhìn ASEAN 2025 về hội nhập tài chính và Nhóm công tác về tài chính bao trùm để thúc đẩy lĩnh vực này trong khu vực ASEAN...

Tuy đã có những nỗ lực của các thành phần kinh tế, song để phát triển tài chính toàn diện ở Việt Nam thì vẫn còn những rào cản. Dù đã có những biến chuyển, song nền kinh tế Việt Nam vẫn còn là một nền kinh tế dựa nhiều vào tiền mặt. Với các phương tiện thanh toán điện tử đang dần thay thế tiền mặt, thì ít nhất phải tiến tới tỉ lệ khoảng 60% những thanh toán của người dân qua hệ thống ngân hàng mới có thể có sự cải thiện rõ rệt. Còn hiện tại, khoảng 90% giao dịch của người dân vẫn là giao dịch tiền mặt thì vẫn còn rất gian nan trong thúc đẩy tài chính toàn diện (Minh Khuê, 2018). Tính đến cuối tháng 4/2021, có trên 79 tổ chức cung ứng dịch vụ triển khai thanh toán qua internet và 44 tổ chức thanh toán qua điện thoại di động; toàn thị trường hiện có khoảng hơn 271.000 POS và hơn 19.000 ATM. Giao dịch qua kênh internet tăng tương ứng 65,9% về số lượng và 31,2% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020; giao dịch qua kênh điện thoại di động tăng tương ứng 86,3% về số lượng và 123,1% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020; giao dịch qua kênh QR tăng tương ứng 95,7% về số lượng và 181,5% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020 (Nhuệ Mẫn, 2021).

Nhận thức chung của toàn xã hội về tài chính toàn diện là chưa đầy đủ. Kiến thức tài chính của người dân nói chung còn thấp, chưa nhận thức được đầy đủ quyền và trách nhiệm của người tiêu dùng tài chính. Chưa có cơ quan bảo vệ người tiêu dùng tài chính.

Chưa có được một khung khổ pháp luật đảm bảo sự cam kết theo đuổi và thực hiện chiến lược tài chính toàn diện ở Việt Nam, đảm bảo sự tham gia của tất cả các bên liên quan, đặc biệt là khu vực tư nhân cũng là thách thức mà Việt Nam đang phải đối diện.

Cơ sở dữ liệu về tiếp cận tài chính nói riêng và tài chính toàn diện nói chung còn thiếu. Đại diện Vụ Dự báo - Thống kê Ngân hàng nhà nước chia sẻ, để có thể đưa ra các chiến lược, lộ trình, giải pháp thúc đẩy tài chính toàn diện thiết thực, hiệu quả, điều kiện tiên quyết là phải có một bộ cơ sở dữ liệu đầy đủ, chi tiết theo chuỗi thời gian từ bên cung và bên cầu giúp đo lường, đánh giá chính xác thực trạng tài chính toàn diện, nguyên nhân của thực trạng này và khả năng hấp thụ giải pháp, (Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Viện Chiến lược Ngân hàng, 2016).

Theo số liệu thống kê chưa chính thức của Bộ Công an tại Hội nghị trực tuyến triển khai Nghị định 116 của Chính phủ ngày 26/12/2018, ước tính tín dụng “đen” đang cho vay khoảng 2.500 tỷ đồng; trong 4 năm qua, cả nước có tới 7.624 vụ phạm tội liên quan đến

tín dụng đen. Bên cạnh đó, còn phải kể đến các rào cản như: tỷ lệ người nghèo chưa được tiếp cận các nguồn tín dụng và dịch vụ tài chính chính thức còn cao; sự chênh lệch giàu nghèo và sự khác biệt trong phát triển giữa các vùng miền; mức độ nhận thức và phổ cập giáo dục tài chính của người dân; văn hóa và thói quen sử dụng dịch vụ tài chính chính thức...

4. Bài học kinh nghiệm phát triển tài chính toàn diện cho Việt Nam

Thứ nhất, kinh nghiệm của các quốc gia trên thế giới đã chỉ ra rằng, việc thiếu kiến thức và hiểu biết về các loại sản phẩm, dịch vụ tài chính khiến người dân thiếu sự tự tin, ngại tiếp cận và thái độ không tin tưởng đối với các sản phẩm, dịch vụ trên thị trường là rào cản phát triển tài chính toàn diện. Do đó, cần tăng cường giáo dục, phổ biến kiến thức về tài chính toàn diện cho người dân. Cần triển khai các chương trình hành động giáo dục; tăng cường đào tạo kỹ năng và năng lực tài chính cho người dân để họ có thể tiếp cận và sử dụng có trách nhiệm và hiệu quả các dịch vụ tài chính. Tuy đã có chiến lược và kế hoạch về tăng cường tuyên truyền nhận thức về tài chính toàn diện, song cần thống nhất nhận thức; việc nhận thức thống nhất giúp cho quá trình vận hành được thông suốt và hiệu quả. Cần ban hành những quy định và hướng dẫn dễ hiểu và nhất quán.

Thứ hai, trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 như hiện nay thì việc đối mặt với rủi ro tội phạm và lừa đảo công nghệ cao là không tránh khỏi. Do đó, cần tăng cường nhận diện và chủ động phòng tránh các hiện tượng lừa đảo và phạm tội mới phát sinh trong quá trình phát triển tài chính toàn diện. Chẳng hạn, cần cảnh báo và ngăn chặn sớm nguy cơ phương thức cho vay ngang hàng (P2P) bị lạm dụng và biến tướng thành một kênh huy động vốn đầu tư kiểu đa cấp mới, với lãi suất cao, đầy rủi ro cho nhà đầu tư và người vay.

Thứ ba, phát triển các sản phẩm tài chính đa dạng và các dịch vụ ngân hàng trực tuyến (nhất là về tín dụng, tiết kiệm, thanh toán và đầu tư; bảo hiểm...); nâng cao năng lực ứng dụng kỹ thuật số, cơ sở hạ tầng điện tử, trung tâm dữ liệu quốc gia và các chính sách an ninh tài sản và dữ liệu; mở rộng thanh toán không dùng tiền mặt, hoàn thiện hệ sinh thái tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp Fintech (doanh nghiệp công nghệ tài chính) ở Việt Nam ra đời và phát triển. Đồng thời, đẩy mạnh hợp tác quốc tế, nhất là trong khuôn khổ Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC), Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) và với Ngân hàng Thế giới, Ngân hàng Phát triển châu Á, Liên Hợp Quốc nhằm huy động và tận dụng nguồn lực phát triển tài chính vi mô; nâng cấp hạ tầng công nghệ ngân hàng tương thích với nền tảng tài chính số; nâng cao chất lượng nhân sự và mở rộng mạng lưới khách hàng tại các khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa...

Thứ tư, cải thiện cơ sở hạ tầng thanh toán nhằm phát triển thanh toán điện tử, hạn chế sử dụng tiền mặt. Các ngân hàng thiết kế các sản phẩm phù hợp, cải thiện thủ tục hành chính, đặc biệt các sản phẩm tiết kiệm và thanh toán với đối tượng khu vực nông thôn. Thông qua các tổ chức tài chính vi mô trong việc thúc đẩy phát triển tài chính toàn diện nhằm mục đích xoá đói giảm nghèo.

Thứ năm, mô hình ngân hàng đại lý được áp dụng đã gỡ bỏ những rào cản địa lý trong việc nhiều xã, huyện không có chi nhánh ngân hàng. Cần khuyến khích phát triển mô hình này nhiều hơn nữa. Có thể khuyến khích phát triển mô hình này bằng cách cho phép tất cả các tổ chức tài chính thuộc sự quản lý và giám sát của ngân hàng nhà nước thuê đại lý tại bất kỳ nơi nào trong nước, đồng thời quy định rõ ràng về các dịch vụ mà đại lý có thể cung cấp, đưa ra các hướng dẫn cần thiết về hợp đồng giữa tổ chức tài chính và đại lý, và yêu cầu báo cáo cho ngân hàng nhà nước.

Tài liệu tham khảo

1. Phạm Thị Vân Huyền (2019), “Phát triển tài chính toàn diện tại Việt Nam”, Tạp chí *Tài chính*, kỳ 2 tháng 6.
2. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Viện Chiến lược Ngân hàng (2016), *Sơ lược về tài chính toàn diện*.
3. Nghiêm Thanh Sơn (2017), “Định hướng và giải pháp thúc đẩy phổ cập tài chính tại Việt Nam giai đoạn 2016 - 2020”, Hội thảo *Công nghệ số thúc đẩy tài chính toàn diện tại Việt Nam* do Ngân hàng nhà nước và Tập đoàn Dữ liệu Quốc tế (IDG) phối hợp tổ chức tại Hà Nội.
4. Thủ tướng Chính phủ (2011), *Quyết định số 2195/QĐ-TTg phê duyệt Đề án xây dựng và phát triển hệ thống tài chính vi mô tại Việt Nam đến năm 2020* ban hành ngày 06 tháng 12 năm 2011.
5. Thủ tướng Chính phủ (2016), *Quyết định số 2545/QĐ-TTg phê duyệt Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2016 – 2020* ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.
6. Thủ tướng Chính phủ (2020), *Quyết định số 149/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030* ban hành ngày 22 tháng 01 năm 2020.
7. Barlon, Colin, and Francis Loh Kok Wah (2003), *Malaysian Economics and Politics in the New Century*, Edward Elgar Publishing.
8. Gortsos, Christos (2016), “Financial Inclusion: An Overview of Its Various Dimensions and the Initiatives to Enhance Its Current Level”, ECEFIL Working Paper Series No.15.
9. Mehrotra (2019), “Financial Inclusion Through FinTech - A Case of Lost Focus”, International Conference on Automation, Computational and Technology Management (ICACTM) Amity University.
10. Robinson, M. (2001), “The Microfinance Revolution”, Washington, DC: World Bank and Open Society Institute.
11. Usha Thorat (2007), “Financial inclusion- the Indian experience”, the HMT-DFID, Financial Inclusion Conference.
12. Minh Khuê (2018), “Thúc đẩy tài chính toàn diện: Nhìn từ thực tiễn”, <https://thoibaonganhang.vn/thuc-day-tai-chinh-toan-dien-nhin-tu-thuc-tien-78844.html>, truy cập ngày 17/5/2021.
13. Lê Phương Lan, Đinh Xuân Hà (2017), “Kinh nghiệm xây dựng chiến lược tài chính toàn diện quốc gia tại Malaysia và Tanzania”, <http://khoa hocnganhang.org.vn/news/vi/kinh-nghiem-xay-dung-chien-luoc-tai-chinh-toan-dien-quoc-gia-tai-malaysia-va-tanzania/> truy cập ngày 17/5/2021.

14. Lê Phương Lan, Nguyễn Thị Hương Thanh (2017), “Chiến lược quốc gia về tài chính toàn diện ở Việt Nam - Ý nghĩa và sự cần thiết”, <http://khoahocnganh.org.vn/news/vi/chien-luoc-quoc-gia-ve-tai-chinh-toan-dien-o-viet-nam-y-nghia-va-su-can-thiet/>, truy cập ngày 17/5/2021.
15. Nhuệ Mẫn (2021), “Thanh toán không dùng tiền mặt tăng mạnh cả số lượng và chất lượng”, <https://tinnhanhchungkhoan.vn/thanh-toan-khong-dung-tien-mat-tang-manh-ca-so-luong-va-chat-luong-post271755.html> truy cập ngày 31/12/2021.
16. Nhật Minh (2019), “Agribank dành 5000 tỷ đồng cho vay tiêu dùng góp phần đẩy lùi tín dụng đen”, <https://www.agribank.com.vn/vn/ve-agribank/tin-tuc/dtl?current=true&urile=wcm:path:/agbank/ve-agribank/tin-tuc/tin-ve-agribank/hoat-dong-agribank/agribank-danh-5000-ty-dong-cho-vay-tieu-dung-gop-phan-day-lui-tin-dung-den>, truy cập ngày 17/5/2021.
17. Văn Nam (2019), “Kinh nghiệm quốc tế về phát triển tài chính toàn diện”, <https://thoibaotaichinhvietnam.vn/kinh-nghiem-quoc-te-ve-phat-trien-tai-chinh-toan-dien-55560.html>, truy cập ngày 17/5/2021.
18. Nhóm công tác tài chính vi mô Việt Nam, (2020), “Thực thi tài chính toàn diện hướng tới phát triển bao trùm”, <https://microfinance.vn/thuc-thi-tai-chinh-toan-dien-huong-toi-phat-trien-bao-trum/>, truy cập ngày 17/5/2021.
19. PC (2020), “Kế hoạch hành động của ngành Ngân hàng thực hiện Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”, <http://tapchinganh.org.vn/ke-hoach-hanh-dong-cua-nganh-ngan-hang-thuc-hien-chien-luoc-tai-chinh-toan-dien-quoc-gia-den-nam-2025-htm>, truy cập ngày 17/5/2021.
20. Ashwini Sahu, Credit Suisse(2011), “REPORT India: Privacy of Client Data”, <https://www.centerforfinancialinclusion.org/india-privacy-of-client-data>, truy cập ngày 17/5/2021.
21. Claus Christensen (2020), “The four eKYC models around the world”, <https://www.regulationasia.com/the-four-e-kyc-models-around-the-world/> truy cập ngày 17/5/2021.
22. WB (2018), “Overview”, <https://www.worldbank.org/en/topic/financialinclusion/overview>, truy cập ngày 17/5/2021.